

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

CÁC HƯỚNG TIẾP CẬN TRONG ĐÁNH GIÁ DỊCH VĂN HỌC

TRIỆU THU HẰNG*

TÓM TẮT: Bài viết giới thiệu ba xu hướng chính về nghiên cứu dịch thuật theo trình tự thời gian, gồm: nghiên cứu dịch thuật trong thời kì “tiền ngôn ngữ”; nghiên cứu dịch thuật trong giai đoạn cấu trúc luận; nghiên cứu dịch thuật hướng đến bối cảnh văn hoá xã hội với hướng tiếp cận dựa trên mục đích của bản dịch và hướng tiếp cận dựa trên diễn ngôn. Ba khuynh hướng đề xuất được thảo luận gắn liền với đánh giá dịch văn học nhằm tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu của từng hướng tiếp cận đối với việc đánh giá dịch văn học và đề xuất hướng tiếp cận triển vọng cho đánh giá dịch văn học.

TỪ KHÓA: dịch thuật học; đánh giá dịch văn học; hướng tiếp cận thời kì tiền ngôn ngữ; hướng tiếp cận dựa trên cấu trúc luận; hướng tiếp cận dựa trên mục đích của bản dịch; hướng tiếp cận dựa trên diễn ngôn.

NHẬN BÀI: 21/3/2017. **BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 13/8/2017

1. Dẫn nhập

Dịch thuật được xem như một trong những ngành cổ xưa nhất của loài người. Từ trước thế kỉ 20 cho đến nay, có vô vàn lí thuyết ra đời nhằm nỗ lực giải quyết các vấn đề trong dịch thuật. Báo cáo này nhằm hệ thống hoá những chặng đường lí thuyết chủ đạo trong lí thuyết dịch và đưa ra ba xu hướng chính theo trình tự thời gian bao gồm nghiên cứu dịch thuật trong thời kì tiền ngôn ngữ; nghiên cứu dịch thuật trong giai đoạn cấu trúc luận; và nghiên cứu dịch thuật hướng đến bối cảnh văn hoá xã hội với hướng tiếp cận dựa trên mục đích của bản dịch và hướng tiếp cận dựa trên diễn ngôn. Do đánh giá chất lượng bản dịch luôn là một vấn đề đang gây tranh cãi bởi nhiều học giả [1], cho nên, ba khuynh hướng đề xuất được thảo luận gắn liền với đánh giá dịch văn học nhằm tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu của từng hướng tiếp cận đối với việc đánh giá dịch văn học và đề xuất hướng tiếp cận triển vọng cho đánh giá dịch văn học.

2. Lí luận đánh giá dịch văn học trong thời kì tiền ngôn ngữ (mentalist approach)

Xét tới lí luận dịch phương Đông, khoảng đầu thế kỉ 20, Nghiêm Phục, được nhắc đến khi đề xuất ba tiêu chuẩn “Tín - Đạt - Nhã”. Tuy nhiên, quan điểm này đã bị chỉ trích với lí do là: lí thuyết trên chỉ lấy ngôn ngữ gốc làm tiêu chuẩn để so sánh và khi áp dụng thực tế cho thấy chúng thiếu tính khả thi, thực tế, chung chung, và dựa trên cảm tính của người đánh giá. Theo Hồ Đắc Túc [2, tr.50-51] “nếu điểm bắt đầu của lộ trình chuyên ngữ là ngôn ngữ gốc, và điểm đến là ngôn ngữ đích, thì giữa nơi đi và chốn đến, chuyện gì xảy ra cho người dịch về mặt tâm lí, kiến thức và trí nhớ?”. Quan trọng hơn, Hồ Đắc Túc cho rằng dịch phẩm là phần nổi của tảng băng, nhưng chính nhờ phần chìm bên dưới mới khiến ta thấy được phần nổi. Phần chìm đó là bối cảnh xã hội, là mối quan hệ giữa người dịch và hoàn cảnh xung quanh, là quy trình dịch, là kinh nghiệm, kiến thức của người dịch, v.v.

Tại phương Tây, từ trước Công nguyên, lí luận dịch được khơi nguồn bởi hai nhà tư tưởng người La Mã là Ciero và Horace với tranh luận xoay quanh lối dịch chữ - theo - chữ (word-for-word) hay ý - theo - ý (sense-for-sense). Tuy nhiên, ngay năm 26 trước Công nguyên, chính Horace cũng đã bác bỏ phương pháp dịch sát chữ - theo - chữ, đặc biệt dịch chữ - theo - chữ trong dịch văn chương là điều hoàn toàn không khả thi. Ngoài ra, trong lí luận dịch phương Tây không thể không kể đến đại luận của Tytler [3] vào thế kỉ 18. Theo Tytler, một bản dịch tốt cần hội tụ những yếu tố quan trọng bậc nhất là “tinh hoa của nguyên tác được chuyển hoàn toàn qua ngôn ngữ đích sao cho người

* ThS-NCS; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội; Email: trieuthuhang91@gmail.com

bản xứ đọc bản dịch ra tiếng nước mình thấu hiểu và cảm nhận mạnh mẽ giống như cách hiểu và cảm nhận của người nói ngôn ngữ của nguyên tác” (dẫn theo Hồ Đắc Túc, [2, tr.61]). Bên cạnh Tytler, đặt nền móng cho lí thuyết dịch hiện đại không thể không kể đến tiểu luận bàn về phương pháp dịch văn học của Schleiermacher [4]. Quan điểm của Schleiermacher là đưa người đọc bản dịch đến với tác giả bản gốc, đưa chất ngoại vào ngôn ngữ đích nhằm cho người đọc bản dịch cảm nhận được chất lạ lẫm của ngôn ngữ nguồn. Tuy nhiên, từ đại luận của Tytler cho đến quan điểm của Schleiermacher, có thể thấy rằng, đánh giá một dịch phẩm văn học thời kì này chủ yếu dựa trên cảm tính của đánh giá và thiếu cơ sở lí luận khoa học rõ ràng.

Có thể thấy, từ trước Tây lịch cho đến thế kỉ 20, một bản dịch được đánh giá chủ yếu dựa trên cảm nhận của người dịch hay người đánh giá, chưa mang tính khoa học. Ngoài ra, bối cảnh xã hội, văn hoá, tư duy của người dịch, v.v. trong quá trình chuyển ngữ chưa được xét tới.

3. Lí luận đánh giá dịch văn học giai đoạn ngôn ngữ học hiện đại (cấu trúc luận)

Sau những tranh luận thời kì tiền ngôn ngữ học, các nhà lập thuyết trong thập niên 1950-1960 nỗ lực khám phá dịch thuật nói chung và đánh giá dịch văn học nói riêng một cách hệ thống hơn và hướng đến nâng dịch thuật ở tầm khoa học. Có ba công trình khoa học nổi bật trong thời kì này:

Thứ nhất là lí thuyết về ý nghĩa và tương đương của Roman Jakobson [5]. Theo tác giả, người dịch cần giải mã thông điệp từ ngôn ngữ nguồn trước, sau đó sẽ truyền tải thông điệp tương đương đó cho độc giả của ngôn ngữ đích.

Thứ hai là lí thuyết về tương đương hình thức và tương đương chủ động của Nida [6] trong công trình khoa học “Hướng đến khoa học của dịch thuật”. Lí thuyết về tương đương của Nida được phát triển trên những khái niệm lí thuyết của ngữ pháp cải biến tạo sinh và các thuật ngữ liên quan đến ngữ nghĩa, ngữ dụng. Lí thuyết của Nida vừa thuần túy dựa trên ngôn ngữ (thể hiện qua tương đương hình thức), vừa quan tâm các yếu tố văn hoá đề tiếp cận người đọc (thể hiện qua tương đương chủ động). Tác giả cho rằng bản dịch không những cần thể hiện đúng thông điệp từ ngôn ngữ nguồn mà còn phải đảm bảo tính tự nhiên trong ngôn ngữ đích và xét cho cùng là phù hợp với đối tượng độc giả. Mặc dù điểm mạnh trong thuyết của Nida là nhấn mạnh yếu tố để người đọc cảm nhận bản dịch giống như người đọc bản gốc cảm nhận nguyên tác, tuy nhiên lí thuyết của Nida lại tương đối chung chung, thiếu bộ công cụ và các thao tác để có thể áp dụng đánh giá một tác phẩm văn học cụ thể.

Thứ ba là, vào thập niên 1950-1960, Catford [7] với lí thuyết ngôn ngữ của Dịch thuật (Linguistic theory of translation) đã đưa ra khái niệm “biến đổi” (“shifts”) trong dịch thuật. Khái niệm “biến đổi” của Catford được giải thích, phân chia ở nhiều cấp độ. Tuy nhiên những giải thích của Catford chỉ thuần túy dựa trên ngôn ngữ về mặt cấu trúc, chưa xét tới nhiều khía cạnh như văn hoá.

Như vậy, từ thập niên 1950-1960 người dịch bắt đầu ý thức đến nhiều khía cạnh, phần chìm của tảng băng bên cạnh phần nổi đơn thuần là sản phẩm dịch. Tuy nhiên, từ thời tiền ngôn ngữ học cho đến thập niên 1950-1960, khuynh hướng nổi bật là lấy bản gốc, ngôn ngữ gốc làm thước đo duy nhất cho mọi đánh giá dịch thuật. Tâm lí, tư duy của người dịch trong quá trình dịch chưa được khám phá. Các yếu tố liên quan như độc giả, bối cảnh xã hội, v.v chưa được chạm tới. Hướng tiếp cận này chưa giúp soi sáng và giải thích được một cách cụ thể quá trình dịch thuật văn học cũng như đánh giá dịch thuật văn học phức tạp trong thực tế, đặc biệt là đánh giá dịch văn học giữa những ngôn ngữ thuộc những nền văn hoá khác nhau.

4. Lí luận đánh giá dịch văn học hướng đến ngôn cảnh và bối cảnh văn hoá xã hội

4.1. Đánh giá dịch văn học dựa trên mục đích của bản dịch (Skopos-related approach)

Năm 1971, Reiss, người đi tiên phong trong trường phái dịch thuật ở Đức (hay còn gọi là trường phái chức năng) đã đưa hướng tiếp cận chức năng vào trong nghiên cứu của mình. Công trình “Tính khả thi và hạn chế trong Phê bình Dịch thuật” (Bản dịch của Rhodes [9]) được xem như viên gạch

đầu tiên xây dựng nền móng cho sự phát triển của trường phái chức năng: Dịch thuật lí tưởng là “sự tương đương về mặt tư tưởng nội dung, hình thức ngôn ngữ và chức năng giao tiếp giữa bản gốc và bản dịch”. Như vậy, khái niệm tương đương Reiss đưa ra ở đây là tương đương về tư tưởng, người dịch làm cách nào để chuyển tải được tinh thần của bản gốc, thay vì tương đương về mặt từng câu chữ.

Hans J. Vermeer là học trò của Reiss đã có đóng góp lớn trong việc thu hẹp khoảng cách giữa lí luận và thực tiễn. Theo Vermeer [10], bởi vì dịch thuật là một hoạt động của con người cho nên lí thuyết dịch không thể chỉ dựa trên các lí thuyết liên quan đến ngôn ngữ mà còn cần xem xét cả lí thuyết hành động (action theory). Thuật ngữ *Skopos* bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là “mục đích” và được Hans J. Vermeer giới thiệu trong ngành Dịch thuật học vào đầu thập niên 1980. Vermeer cho rằng, dịch thuật cần được xem như một hoạt động có mục đích của con người như đúng bản chất tên gọi của nó. Chính mục đích của bản dịch quyết định các chiến lược dịch, phương pháp dịch và kĩ thuật dịch mà người dịch áp dụng để đạt được mục đích phù hợp về chức năng so với bản gốc. Ngoài ra, một trong những yếu tố mang tính quyết định đến mục đích của bản dịch đó là người tiếp nhận bản dịch ở ngôn ngữ đích hay còn gọi là độc giả. Người nhận bản dịch có kiến thức văn hoá, nguyện vọng riêng của họ đối với bản dịch và nhu cầu giao tiếp. Một trong những quan tâm chính của Vermeer là vị trí, vai trò của người dịch với tư cách là những chuyên gia trong lĩnh vực. Đây có thể coi là một trong những điểm khác biệt của lí thuyết dịch thuật chức năng so với những lí luận dịch trước thập niên 1970. Nếu như các lí thuyết gia thời kì cấu trúc luận chỉ lấy thước đo là ngôn ngữ nguồn trong đánh giá dịch thuật thì theo trường phái chức năng, phần chìm của tảng băng, cụ thể là bối cảnh văn hoá xã hội, tâm lí của người dịch trong quá trình chuyển ngữ, các bên liên quan như người đặt hàng bản dịch, người dịch, người sử dụng bản dịch đã được chú trọng để đánh giá chất lượng bản dịch một cách toàn diện.

Như vậy, nếu như các lí luận về dịch thuật dựa trên cấu trúc trước đây đặt bản gốc là tiêu chuẩn của mọi quá trình đánh giá dịch thuật, thì trường phái chức năng ưu tiên văn hoá của ngôn ngữ đích. Tuy nhiên, nhiều học giả, trong đó có House [1] cho rằng lí thuyết về chức năng khó áp dụng đối với dịch văn chương vì thuyết chức năng không coi trọng ngôn ngữ gốc. Mà đối với dịch văn chương, đặc biệt là những kiệt tác có giá trị văn học cao, yếu tố thẩm mĩ của bản gốc đóng vai trò hết sức quan trọng, không thể xem nhẹ.

4.2. Lí luận đánh giá dịch văn học dựa trên văn bản và diễn ngôn hướng đến vào bối cảnh văn hoá xã hội (Discourse-oriented approach)

Trong các trường phái ngôn ngữ học, ngôn ngữ học chức năng thuộc trường phái Luân Đôn có thể nói đã đem đến cho nghiên cứu dịch thuật đường hướng phân tích ngôn cảnh, đây được xem như đường hướng phù hợp để tiếp cận ngôn bản (Hoàng Văn Vân [11]). Khi làm việc thực tế giữa hai nền văn hoá xa lạ, đó là nền văn hoá của những người dân ngoài đảo ở Nam Thái Bình Dương và nền văn hoá Anh, Malinowski [12] đã đề xuất hai khái niệm: ngôn cảnh tình huống và ngôn cảnh văn hoá. Hai khái niệm này đóng vai trò quan trọng trong việc giúp người dịch cần phải không chỉ phân tích ngôn bản, nắm bắt được những gì đang xảy ra mà còn cần nắm bắt được cả nền văn hoá tổng thể, hiểu được một cách đầy đủ các ý nghĩa của ngôn bản. Đây là điểm đóng góp quan trọng cho dịch thuật nói chung và đặc biệt là dịch văn học cũng như đánh giá dịch văn học nói riêng.

Dựa trên quan điểm của Malinowski, các học giả sau này, điển hình là Halliday [13] đã xuất phát từ những hạn chế của ngữ pháp cải biến tạo sinh để một lần nữa khẳng định vai trò của ngôn cảnh văn hoá xã hội. Lần đầu tiên dịch thuật được xét tới như một quá trình giao tiếp lời nói của con người thay vì quá trình chuyển dịch chất liệu ngôn ngữ thuần tuý mang tính kĩ thuật như trước đây. Do đó, phân tích diễn ngôn dần trở nên phổ biến trong nghiên cứu dịch thuật bắt đầu từ thập niên 1990 cùng với sự ra đời của một số mô hình tiêu biểu như mô hình chức năng - dụng học của House

[1], mô hình cấp độ văn bản và dụng học của Baker [14] và mô hình dựa trên bối cảnh và diễn ngôn của Hatim và Mason [15].

Có một điểm đáng lưu ý là các mô hình của House, Baker và Hatim và Mason đều được phát triển một phần dựa trên lí thuyết ngữ pháp chức năng hệ thống của Halliday. Halliday chú trọng đến nhiệm vụ của ngôn ngữ và cho rằng, mục tiêu của ngôn ngữ là truyền tải nhu cầu của người nói hay viết (functional grammar), sự liên quan chặt chẽ giữa từ này và từ khác, giữa ngôn ngữ và bối cảnh (discourse). Halliday lập luận rằng, văn bản phải có chức năng vì toàn bộ văn bản phải nói lên một ý nghĩa gì đó. Mà muốn nói lên một điều gì đó thì ngôn ngữ trong toàn văn bản đó phải sắp xếp theo một trật tự nhất định (dẫn theo Hồ Đức Túc, [2] tr. 82).

Trong những mô hình nêu trên, mô hình chức năng dụng học của House [1] đã được nhiều nghiên cứu thử nghiệm đánh giá và cho thấy mô hình tương đối khả thi với đánh giá dịch thuật văn học. Dựa một phần trên lí thuyết của Halliday, House cho rằng bản dịch phải có chức năng bao gồm chức năng ý niệm và chức năng liên nhân tương đương với các chức năng này ở bản gốc; và bản dịch cần phải sử dụng các phương tiện ngữ dụng học tương đương để thực hiện các chức năng trên. Các thao tác đánh giá theo mô hình của House diễn ra như sau.

Bước 1: Phân tích bản gốc theo 8 tiêu chí dựa trên 3 phương diện của người sử dụng ngôn ngữ (language user) là nguồn gốc địa lí, tầng lớp xã hội và thời gian, 5 phương diện của ngôn ngữ hành chức (language use) là kênh giao tiếp, vai tham gia, quan hệ xã hội, thái độ xã hội và môi trường giao tiếp là căn cứ của các quan hệ tương tác (ngữ pháp, từ vựng và văn bản ở bản gốc).

Bước 2: So sánh đối chiếu cách thức xây dựng văn bản theo các tiêu chí chức năng đã phân tích ở bản gốc.

Bước 3: Xác định mức độ tương đương về hình thức và chức năng của văn bản dịch với bản gốc để xác định mức độ đạt được của chất lượng bản dịch, còn gọi là mức độ phù hợp của bản dịch.

Nếu như những thuyết trước đây từ ba tiêu chuẩn “Tín - Đạt - Nhã” của Nghiêm Phục, cho đến quan điểm đạt được tương đương chủ động của Nida và tiếp đến là quan điểm đạt được mục đích của bản dịch đề xuất bởi Vermeer đều thiếu các bước cụ thể để đánh giá một dịch phẩm và thiếu cơ sở lí luận rõ ràng, thì mô hình đánh giá chất lượng bản dịch của House được xây dựng nhằm khắc phục các hạn chế của những mô hình trước đó. Mô hình chức năng - dụng học đề xuất bởi Julian House hiện đang được áp dụng khá rộng rãi trên thế giới trong đánh giá dịch thuật với nhiều thể loại văn bản khác nhau bên cạnh thể loại văn học như luật, văn học, tin tức, v.v.

Cũng dựa trên diễn ngôn, học giả Baker [14] đã khảo sát tương đương ở một loạt các cấp độ: từ, trên từ, ngữ pháp, cấu trúc chủ đề, liên kết và ngữ dụng. Baker đã áp dụng phân tích diễn ngôn để phân tích cấu trúc đề - thuyết và liên kết đề nghiên cứu cách dùng các câu nói trong các tình huống truyền thông. Hai công trình khác được phát triển từ mô hình ngôn ngữ của Halliday có ảnh hưởng đến nghiên cứu dịch thuật từ thập niên 1990 là công trình của Hatim và Mason [15] về cấp độ tín hiệu học của chu cảnh và diễn ngôn. Hai nhà nghiên cứu này cũng đặc biệt chú trọng việc thực hiện các chức năng ý niệm và liên nhân trong dịch thuật bên cạnh chức năng văn bản và đưa vào mô hình họ xây dựng cấp độ tín hiệu học diễn ngôn (semiotic level of discourse). Tuy nhiên, hai mô hình này chưa được nhiều nghiên cứu thử nghiệm tính khả thi trong đánh giá dịch thuật văn học như mô hình của House.

5. Kết luận

1) Trên nền tảng các lí thuyết từ thời Ciero, thánh Jerome v.v, cho đến nay, có thể thấy sự khác biệt và ba khuynh hướng chính trong tiến trình phát triển của Dịch thuật học: Thứ nhất là hướng tiếp cận thời kì tiền ngôn ngữ, dựa trên những cảm tính của người dịch cũng như người đánh giá bản dịch; Thứ hai là hướng tiếp cận mang tầm khoa học cao hơn, dựa trên các lí thuyết về ngôn ngữ hiện đại thời kì cấu trúc luận; Thứ ba là nghiên cứu dịch thuật hướng đến bối cảnh văn hoá xã hội với hướng tiếp cận dựa trên mục đích của bản dịch và hướng tiếp cận dựa trên diễn ngôn. Các xu hướng

dẫn hướng đến mục đích của người viết và sự thông hiểu của người đọc, và có những điểm lợi cũng như những điểm cần khắc phục riêng trong đánh giá dịch văn học.

2) Có thể thấy, đã có hai bước ngoặt quan trọng trong nghiên cứu dịch thuật. Sự chuyển hướng thứ nhất là chuyển hướng ngữ dụng (pragmatic turn), chuyển từ nghiên cứu dịch thuật chỉ dựa vào từ vựng - ngữ pháp của cấu trúc luận sang dụng học. Sự chuyển hướng thứ hai là chuyển hướng văn hoá (cultural turn), trong đó nghiên cứu dịch thuật chuyển sang chú trọng sự ảnh hưởng của các yếu tố ngoại ngôn tới quá trình hình thành nên bản dịch như mục đích của bản dịch, tư tưởng văn hoá của ngôn ngữ đích, đối tượng độc giả, v.v. Hai bước ngoặt trong tiến trình phát triển của dịch thuật học dẫn hướng đến dịch văn học cũng như đánh giá dịch thuật văn học dựa trên cơ sở ngôn ngữ học rõ ràng, xem xét tới các yếu tố ngôn cảnh, văn hoá xã hội.

Tuy nhiên, do bản chất phức tạp của quá trình dịch thuật nói chung và dịch văn học nói riêng, cần có những nghiên cứu thực nghiệm hơn nữa để có thể khám phá, trả lời cho những câu hỏi xoay quanh ngành khoa học này suốt hơn 2000 năm của Dịch thuật học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. House, J. (1997), *Translation quality assessment: A model revisited*. Tübingen: Gunter Narr.
2. Hồ Đắc Túc (2012), *Dịch thuật và tự do*. Công TNHH Sách Phương Nam và Đại học Hoa Sen. Nxb Hồng Đức.
3. Tytler, A. F. (1907/2007), *Essay on the principles of translation*. London: J. M. Dent. Internet Archive by University of California Libraries.
4. Schleiermacher, F. (1813/1992), *On the different methods of translating*, in R. Schulte and J. Biguenet (eds) (1992), pp. 36-54. Also in Robinson (ed.) (1997b), pp 225-38.
5. Jakobson, R. (1959), *On linguistic aspects of translation*. In L. Venuti (ed.) (2000), pp. 113-18.
6. Nida, E. A. (1964), *Towards a science of translating*. Leiden: E.J. Brill.
7. Cartford, J. C. (1965), *A linguistic theory of translation: an essay on applied linguistics*. London: Oxford University Press.
8. Reiss, K. (2014), *Translation criticism - the potentials and limitations*. Routledge: New York.
9. Nord, C. (1997/ 2001), *Translating as a purposeful activity: functionalist approaches explained*. Manchester: St. Jerome.
10. Vermeer, H. (1989/ 2000), *Skopos and commission in translational action*. Translated by Chesterman in A. Chesterman (ed.0. 1989, pp 173-87.
11. Hoàng Văn Vân (2006), *Nghiên cứu dịch thuật*. Nxb Khoa học Xã hội.
12. Malinowski, B. (1923), *The problem of meaning in primitive languages*. In *The Meaning of Meaning*. Ogden, C. K. & I. A. Richards (Eds.) New York: Harcourt Brace.
13. Halliday, M. A. K. (1994, 2nd edition), *An introduction to functional grammar*. London, Melbourne and Auckland Arnold.
14. Baker, M. (1992), *In other words: A coursebook on translation*. London and New York: Routledge.
15. Hatim, B. and Mason, I. (1990), *Discourse and the translator*. London and New York: Longman.

Abstract: Due to the enormous significance of translation, the article attempts to systematically review primary theories from the past to present in the world in Translation Studies and chronologically proposes three major trends including mentalist approach; structural approach; translation studies in socio-cultural context with Skopos-related approach and discourse-oriented approach. The three proposed trends are discussed with reference to literary translation assessment to figure out both merits and shortcomings and propose the potential approach for literary translation assessment.

Key words: translation studies; mentalist approach; structural approach; skopos-related approach and discourse-oriented approach; literary translation assessment.